

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2025

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Phương

2. Ông Nguyễn Văn Bộ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Dung - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 728/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Tấn T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Khu Phố A, phường A, thị xã T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Phương N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Mai Tấn T tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh và chị Lê Thị Phương N tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N lúc đó đang mang thai đòi về nhà cha mẹ ruột ở anh có khuyên kêu vợ ở chung nhưng vợ quyết định về nhà cha mẹ ruột sinh con nên mâu thuẫn xảy ra. Anh chị ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: có 01 con chung tên Mai Lê Phương N1

sinh ngày 04/11/2023 hiện đang sống với mẹ. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Bị đơn chị Lê Thị Phương N trình bày:* Quá trình tiến tới hôn nhân như lời anh T trình bày là đúng. Vợ chồng chị không có xảy ra mâu thuẫn gì lúc chị chuẩn bị sanh con vợ chồng thống nhất để chị về cha mẹ ruột sanh con, sau đó chị về nhà cha mẹ ruột sinh con vợ chồng cũng bình thường đến tháng 3/2024 anh T nói với chị là muốn ly hôn. Chị N không đồng ý ly hôn muốn cho con có cha mẹ đầy đủ. Về con chung có 01 con chung tên Mai Lê Phương N1 sinh ngày 04/11/2023. Trường hợp Tòa cho ly hôn chị yêu cầu nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Tấn T và chị Lê Thị Phương N tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh T xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do chị N lúc đang mang thai đòi về nhà cha mẹ ruột ở anh có khuyên nhưng chị N quyết định về nhà cha mẹ ruột sinh con nên mâu thuẫn xảy ra, cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện anh chị đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Chị N cho rằng cuộc sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì lúc chị chuẩn bị sanh con vợ chồng thống nhất để chị về cha mẹ ruột sanh con, sau đó chị về nhà cha mẹ ruột sinh con vợ chồng cũng bình thường đến tháng 3/2024 anh T nói với chị là muốn ly hôn và chị cho rằng anh T có người phụ nữ khác bên ngoài. Tại phiên tòa hôm nay anh T cương quyết xin ly hôn với chị N vì tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai. Đối với chị N mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm và thực tế anh chị đã ly thân không còn sống chung với nhau. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn với chị N là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: anh chị có 01 con chung tên Mai Lê Phương N1 sinh ngày 04/11/2023 hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn anh T cũng đồng ý giao

con cho chị N nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Chị N cũng đồng ý nuôi con nếu trường hợp Tòa cho ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Xét thấy hiện tại cháu N1 đang sống chung với mẹ từ khi sinh đến nay và anh T cũng đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xem xét giao cháu N1 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng/con phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Mai Tấn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Mai Tấn T được ly hôn với chị Lê Thị Phương N.

2. Về con chung: giao cháu Mai Lê Phương N1 sinh ngày 04/11/2023 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành việc cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Mai Tấn T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016309 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên còn phải nộp tiếp 300.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tân